

Số: 16 /2023/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định một số nội dung
về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr-STNMT ngày 11 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy

định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 53/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lào Cai;
- Lưu: VT, CTTĐT, các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hải



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16/2023/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) bao gồm:

1. Quy định chi tiết và biện pháp thi hành: Khoản 3 Điều 14; điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; khoản 6 Điều 62; khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; điểm c khoản 5 Điều 81 và khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định chi tiết và biện pháp thi hành: Khoản 1 Điều 63; khoản 4 Điều 64 và khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quy định chi tiết thi hành điểm đ khoản 1 Điều 26; khoản 5 Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư và cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến các nội dung bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động phân tách chất thải nhằm chia thành các nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

2. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động tập hợp, lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các chủ nguồn thải, các điểm tập kết, điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là quá trình chuyên chở chất thải rắn sinh hoạt từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

4. Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp là việc chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp trong bãi chôn lấp theo quy định mà chưa qua xử lý bằng các biện pháp khác.

5. Cơ sở thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt là cơ sở có đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

6. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt là cơ sở có đủ điều kiện và được phép thực hiện hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành các nhóm như sau:

- a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- b) Chất thải thực phẩm;
- c) Chất thải rắn sinh hoạt khác.

2. Hộ gia đình, cá nhân ở đô thị phải chứa, đựng chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này vào các bao bì chứa để chuyển giao như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

b) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chất thải thực phẩm có thể được sử dụng làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

3. Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

a) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi;

b) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng; tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

c) Chất thải thực phẩm không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt;

d) Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Đảm bảo không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ trong quá trình sử dụng;

b) Bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng phải có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi, không thấm nước mưa, không được ngấm hoặc rò rỉ nước từ chất thải rắn sinh hoạt.

5. Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

Căn cứ vào lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và tình hình thực tế của mỗi địa phương để xác định tần suất thu gom, vận chuyển đảm bảo theo quy định sau đây:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tùy theo khối lượng phát sinh và nhu cầu chuyển giao;

b) Chất thải thực phẩm: Đối với khu vực đô thị tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/01 lần; các khu vực còn lại tối thiểu 02 ngày/01 lần, khuyến khích áp dụng 01 ngày/01 lần;

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Phù hợp với khối lượng phát sinh và điều kiện thực tế ở từng địa phương.

6. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt

a) Vị trí được lựa chọn làm điểm tập kết phải hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, mỹ quan, môi trường xung quanh và phải cách xa nơi kinh doanh thực phẩm, công bệnh viện, trường học, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông;

c) Điểm tập kết phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

d) Đơn vị thu gom, vận chuyển có trách nhiệm vệ sinh môi trường sạch sẽ điểm tập kết sau khi vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý.

7. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân thu gom phân loại riêng để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế nhựa để tái chế, tái sử dụng;

b) Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng gia đình, đối với gia đình, cá nhân có đất vườn rộng, khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại chỗ như: ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ gia đình thì thực hiện xử lý tại các lò đốt chất thải sinh hoạt đã được đầu tư hoặc chôn lấp tại các bãi chôn lấp đã được quy hoạch hợp vệ sinh, hạn chế tối đa việc chôn lấp;

c) Chất thải rắn sinh hoạt khác: Được thu gom, tập kết riêng tại các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng biện pháp đốt hoặc chôn lấp hợp vệ sinh; khuyến khích tái chế, tái sử dụng.

8. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt và chuyển giao chất thải nguy hại cho các cơ sở xử lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoạt động.

Điều 5. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; thời gian và tuyến đường vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Xe ô tô chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo quy định pháp luật về giao thông vận tải và đo lường; thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian phương tiện vận chuyển tham gia giao thông.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các điểm thu gom chất thải đến điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Thời gian hoạt động: Buổi sáng từ 07 giờ đến 10 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 17 giờ đến 23 giờ đối với phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng mà phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội thành, nội thị thành phố Lào Cai. Các khu vực còn lại thì thời gian hoạt động vận chuyển phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 6. Quản lý chất thải công kênh

1. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh chủ động tự tháo dỡ, giảm thể tích, khối lượng chất thải công kênh, đồng thời phân loại các chất thải sau khi tháo dỡ để xử lý phù hợp.

2. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh được phép tự vận chuyển hoặc tự thỏa thuận với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận, xử lý. Trong thời gian đơn vị thu gom, vận chuyển chưa đến vận chuyển đi xử lý thì hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản, không được tập kết ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng.

3. Hộ gia đình, cá nhân có phát sinh chất thải công kênh có trách nhiệm chi trả phí dịch vụ tháo dỡ, thu gom chất thải rắn công kênh từ nơi phát sinh vận chuyển đến nơi tiếp nhận theo giá tự thỏa thuận với các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Chất thải rắn công kênh được thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải rắn sinh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

Điều 7. Quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa

1. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do cơ quan Trung ương quản lý đoạn chảy qua địa phận tỉnh Lào Cai thì thực hiện theo dự án do cơ quan Trung ương phê duyệt và các yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường của dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

2. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do tỉnh Lào Cai quản lý thì thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các yêu cầu chung

về khu vực, địa điểm đổ thải khi xem xét thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai hoặc cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

- a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương;
- b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định;
- c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước;
- d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa.

Điều 8. Quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng

1. Phân loại chất thải rắn xây dựng

Chất thải rắn xây dựng phải được phân loại ngay tại nơi phát sinh thành các loại sau đây:

- a) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế được như thủy tinh, sắt thép, gỗ, giấy, chất dẻo;
- b) Chất thải rắn xây dựng có thể được tái sử dụng;
- c) Chất thải rắn xây dựng không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi chôn lấp;
- d) Chất thải rắn xây dựng có yếu tố nguy hại được phân loại riêng và quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hướng dẫn về quản lý chất thải nguy hại.

2. Các loại chất thải rắn xây dựng được tái chế, tái sử dụng theo các mục đích sau:

- a) Đất, đất bùn thải không có yếu tố nguy hại từ hoạt động đào, nạo vét lớp đất mặt, đào cọc móng được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc san lấp tạo mặt bằng làm tăng giá trị của đất tại các khu vực phù hợp quy hoạch theo quy định của pháp luật về đất đai;
- b) Đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) được tái sử dụng, tái chế làm vật liệu xây dựng hoặc vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng, các mỏ khoáng sản đã có quyết định đóng cửa mỏ, hoặc chôn lấp trong bãi chôn lấp chất thải rắn xây dựng;
- c) Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái chế được tái chế, tái sử dụng và quản lý như chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3. Cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng

Chủ cơ sở thu gom chất thải rắn xây dựng có trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- b) Phải có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn theo quy định;
- c) Thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng đến cơ sở xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng. Chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển;
- d) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ nguồn thải và chủ cơ sở cung cấp dịch vụ, được thể hiện trong hợp đồng thu gom, vận chuyển;
- e) Phải có sổ theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng.

4. Vận chuyển chất thải rắn xây dựng

- a) Chất thải rắn xây dựng phải được vận chuyển đến điểm tập kết, cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch về xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng theo quy định pháp luật. Đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vận chuyển đến vị trí được Ủy ban nhân dân xã chấp thuận;
- b) Chất thải rắn xây dựng phải được vận chuyển đảm bảo an toàn giao thông và tuân thủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về phân luồng giao thông tại địa phương;
- c) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành theo quy định;
- d) Trong quá trình vận chuyển, phương tiện vận chuyển phải đảm bảo không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi.

5. Xử lý chất thải rắn xây dựng

- a) Đối với xử lý chất thải rắn xây dựng tại nguồn thải: Đối với nguồn thải không yêu cầu hồ sơ bảo vệ môi trường, thực hiện đảm bảo quy trình, biện pháp xử lý phù hợp, an toàn, bảo vệ môi trường. Đối với các dự án có hồ sơ bảo vệ môi trường, xử lý đảm bảo theo hồ sơ bảo vệ môi trường. Khuyến khích việc tự xử lý chất thải rắn xây dựng tại nơi phát sinh với biện pháp phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, môi trường;

b) Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng: Cơ sở xử lý phải được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các công nghệ xử lý bao gồm: Nghiền, sàng; sản xuất vật liệu xây dựng; chôn lấp và các công nghệ khác. Công nghệ xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp với quy mô, công suất và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh tế xã hội;

c) Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom chất thải, khi tiến hành các hoạt động xây dựng, cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng, chất thải phát sinh phải được tái sử dụng hoặc đổ đúng vị trí được cấp có thẩm quyền chấp thuận, không được tự ý đổ chất thải ra môi trường;

d) Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, chủ đầu tư xây dựng tự xử lý chất thải rắn xây dựng trong phạm vi diện tích đất ở, đất vườn và phạm vi đất sử dụng để thực hiện dự án, hoặc chuyển giao cho các đối tượng: Chủ cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật; Chủ thu gom, vận chuyển đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; Chủ xử lý đã được cấp giấy phép môi trường hoặc đã hoạt động theo văn bản, giấy tờ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

đ) Hộ gia đình, cá nhân tại đô thị khi tiến hành hoạt động xây dựng, cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng, chất thải phát sinh nếu không được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng; đất; bùn sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây, các khu vực đất phù hợp khác thì phải được thu gom và chuyển giao cho các đối tượng có chức năng xử lý theo quy định.

6. Trách nhiệm chủ xử lý chất thải rắn xây dựng

a) Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận chất thải rắn xây dựng, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định;

c) Tiếp nhận và xử lý chất thải rắn xây dựng từ các chủ thu gom, vận chuyển trên cơ sở hợp đồng ký kết và có phiếu ghi khối lượng, thành phần chất thải rắn xây dựng được vận chuyển đến hàng ngày, có xác nhận của hai bên;

d) Có sổ theo dõi hoạt động xử lý chất thải rắn xây dựng, nội dung gồm: Thông tin chung của các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng; Khối lượng/dung tích/số chuyến xe chở chất thải rắn xây dựng được tiếp nhận của từng chủ thu gom, vận chuyển; loại chất thải rắn xây dựng tiếp nhận.

Điều 9. Phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

1. Việc phân loại, thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn y tế, quản lý, vận hành công trình, thiết bị, hệ thống xử lý chất thải y tế của cơ sở y tế hoặc xử lý theo

mô hình cụm trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế được thực hiện theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại để xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế thực hiện như sau:

a) Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại để thực hiện tự xử lý chất thải y tế nguy hại chỉ được xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế lân cận theo mô hình cụm cơ sở y tế khi công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn dư thừa công suất và tình trạng thiết bị, công trình xử lý chất thải y tế nguy hại còn tốt, vận hành ổn định;

b) Cơ sở y tế có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại và các cơ sở y tế tham gia mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại theo cụm cơ sở y tế phải xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Y tế thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai xem xét phê duyệt.

3. Nội dung chính của kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định tại khoản 2 Điều này như sau:

a) Địa điểm, mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại;

b) Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại;

c) Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại;

d) Giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường thành phần của cơ sở có công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại;

đ) Thông tin về công suất xử lý, công suất còn dư thừa của công trình, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại;

e) Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Điều 10. Quy định đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại; tuyến đường và thời gian hoạt động

1. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại phải có thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô theo quy định pháp luật về giao thông vận tải và đo lường; thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô phải tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, và đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục trong thời gian phương tiện vận chuyển tham gia giao thông.

2. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải nguy hại được phép hoạt động trên các tuyến đường nối từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, điểm thu gom chất thải thuộc các khu, cụm công nghiệp đến cơ sở xử lý chất thải theo quy định.

3. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội thành, nội thị được thực hiện từ 19 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau, trường hợp vận chuyển đột xuất phải báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

4. Thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc nội thành, nội thị được thực hiện từ 09 giờ đến 17 giờ và từ 19 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương.

5. Các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải có trách nhiệm chấp hành Luật Giao thông đường bộ khi tham gia vận chuyển chất thải nguy hại trên đường bộ; cung cấp lộ trình và thời gian vận chuyển cho các cơ quan chuyên môn khi có yêu cầu phối hợp. Dữ liệu, thông tin từ thiết bị giám sát hành trình phải được chia sẻ khi có yêu cầu của cơ quan chuyên môn để cùng phối hợp; quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại đi theo đúng lộ trình và thời gian theo kế hoạch.

Điều 11. Hoạt động bảo vệ môi trường không khí

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan lập, thực hiện điều tra, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh và trình UBND tỉnh ban hành. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm.

2. Trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng trên phạm vi nội tỉnh khi chỉ số chất lượng môi trường không khí Việt Nam (VN-AQI) ngày có giá trị từ 301 trở lên theo kết quả của các trạm quan trắc môi trường Quốc gia, địa phương trong thời gian 03 ngày liên tục, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Điều 12. Ưu đãi, khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp liên danh, liên kết, hợp tác để xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

2. Các hoạt động bảo vệ môi trường thuộc danh mục của Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được hỗ trợ miễn, giảm về tiền thuê đất và giá cho thuê cơ sở hạ tầng và các ưu đãi khác theo quy định pháp luật.

Điều 13. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường thì phải di chuyển hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để phù hợp với quy định về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan *xong trước ngày 01 tháng 01 năm 2026*.

2. Trong thời gian thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động vẫn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý chất thải theo quy định về quản lý chất thải và các yêu cầu khác được quy định trong giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 14. Lộ trình giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa

1. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hạn chế sử dụng, giảm thiểu, phân loại, thải bỏ chất thải là sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học theo quy định; không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông, suối. Các cơ sở kinh doanh du lịch, nuôi trồng và khai thác thủy sản hoạt động trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải nhựa phát sinh cho cơ sở có đủ chức năng tái chế và xử lý.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh không sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân hủy sử dụng một lần trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo do cơ quan nhà nước tổ chức.

3. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chưa đựng thực phẩm) tại các trung

tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương và nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh;

b) Tổ chức theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường và quản lý chất thải trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát và tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo. Thời gian xong trước ngày 30 tháng 10 năm 2025;

d) Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phương án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ tái chế chất thải nhựa;

đ) Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

e) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường giao.

2. Sở Tư pháp

a) Phối hợp theo dõi tình hình thi hành các văn bản quy phạm pháp luật; tổng hợp các phản ánh, kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Phối hợp thực hiện rà soát văn bản, kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo hoặc mâu thuẫn;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, đánh giá hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định xử phạt.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì tổng hợp danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Lào Cai bao gồm các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư đối với các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong lĩnh vực môi trường theo quy định của Luật Đầu tư; hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sạch, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường; ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án kiểm soát ô nhiễm, quản lý, xử lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Sở Công Thương

a) Tuyên truyền, phổ biến, phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phát triển công nghiệp môi trường thuộc phạm vi quản lý của ngành;

b) Trong công tác tham mưu, đề xuất thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp cần kiểm tra, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đến các điểm, khu dân cư theo quy định. Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật các dự án liên quan đến nhiệt điện, thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến

áp, khai thác mỏ, chế biến khoáng sản và các công trình công nghiệp chuyên ngành.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, các giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải rắn;

b) Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; quản lý và kiểm soát hoạt động bức xạ trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành; thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác; chỉ đạo tổ chức quản lý bùn, nạo vét từ kênh, mương và công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền;

b) Phối hợp các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan thực hiện kiểm tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các hoạt động quản lý hệ thống thủy lợi, đê điều, nước sạch khu vực nông thôn, kinh doanh và sử dụng phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, chôn lấp, tiêu hủy động vật.

8. Sở Y tế

a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý và xử lý chất thải y tế ở các bệnh viện, cơ sở y tế và các tổ chức, cá nhân hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, giám sát việc sử dụng các thiết bị bức xạ, các loại thuốc, hóa chất phóng xạ, công tác thu gom vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải phóng xạ dùng trong y tế;

c) Quản lý, bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sức khỏe môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng trong khuôn viên của bệnh viện.

9. Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ do UBND tỉnh phân công và quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường khác trên địa bàn tỉnh theo lĩnh vực quản lý của ngành;

c) Phối hợp với các cơ quan thực hiện thanh, kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công đối với các dự án, công trình xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, các bến thủy;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; ưu tiên bố trí địa điểm đổ chất thải cùng khu vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

10. Sở Du lịch

a) Tăng cường các hoạt động thu hút, phát triển các loại hình dịch vụ du lịch xanh, du lịch bền vững. Phối hợp với các ngành liên quan và địa phương trong công tác tuyên truyền giảm thiểu sử dụng rác thải nhựa, phân loại rác tại nguồn, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;

b) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo thẩm quyền;

c) Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quy hoạch, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, không xâm hại đến di sản, khu bảo tồn thiên nhiên, cảnh quan, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch.

11. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Tổ chức thực hiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hoá, thể thao; quản lý các di sản thiên nhiên do ngành quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực Văn hóa và Thể thao trên địa bàn tỉnh.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai thực hiện các chương trình giáo dục về bảo vệ môi trường cho học sinh các cấp học, trong đó chú trọng đưa nội dung giáo dục về giảm thiểu, phân loại, tái chế chất thải rắn, hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi ni lông khó phân hủy vào chương trình dạy học cho các cấp học sinh.

13. Sở Nội vụ

Tiếp tục thực hiện hiệu quả, kịp thời việc lồng ghép các tiêu chí về bảo vệ môi trường trong việc bình xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các tập thể, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động kinh doanh, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

14. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với các ngành, địa phương đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, kêu gọi các tổ chức quốc tế tài trợ triển khai các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

15. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền về Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường tại địa phương.

16. Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, phân khu chức năng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50, Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Kiểm tra chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, chủ cơ sở bên trong khu kinh tế, khu công nghiệp thực hiện các trách nhiệm theo quy định pháp luật và theo thẩm quyền;

c) Trong quá trình phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư theo thẩm quyền đối với các dự án mới hoặc dự án đang hoạt động nâng công suất có phát sinh nước thải trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải xem xét sự phù hợp với các yêu cầu về hạ tầng bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

d) Trường hợp xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp, các phân khu chức năng thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế thì Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

17. Công an tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức hoạt động phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia ứng phó, khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

b) Chỉ đạo tổ chức thu gom, xử lý chất thải nhựa trên địa bàn quản lý; chỉ đạo việc xây dựng hương ước, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý chất thải nhựa và bảo vệ môi trường; mở rộng phạm vi thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã vùng cao trên địa bàn quản lý;

c) Địa phương nào để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung, địa bàn thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

b) Tham mưu cho cấp ủy cùng cấp chỉ đạo Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa; hướng dẫn bổ sung các nội dung về bảo vệ môi trường vào trong hương ước, quy ước của các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn; vận động các hộ sản xuất kinh doanh ký kết, thực hiện cam kết bảo vệ môi trường;

c) Địa phương nào để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện đối với các nội dung, địa bàn thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của mình.

Điều 17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai

1. Chỉ đạo Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên; các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn thể hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác bảo vệ môi trường; thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

2. Thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chính trị - xã hội

Thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

1. Tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm:

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường;

c) Vận động cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

2. Tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền:

a) Được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Tham vấn đối với dự án đầu tư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

c) Tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ dự án đầu tư, cơ sở có liên quan theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

đ) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư

Thực hiện theo quy định tại Điều 159 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

1. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu chủ dự án đầu tư, cơ sở cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

2. Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với dự án đầu tư, cơ sở đó, trừ trường hợp các thông tin này thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; thực hiện biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

4. Chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì theo dõi việc triển khai quy định này, định kỳ phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 3 của năm tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này, định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 3 của năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Điều khoản khi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

